TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂY NINH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 87/2018/HNGĐ-ST
Ngày 04-10-2018
V/v Tranh chấp
hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phan Tuyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Một;

2. Ông Võ Văn Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Cẩm Loan, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 736/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2017 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh N, sinh năm 1981; trú tại: Ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Bị đơn: Chị Lê Kim L, sinh năm 1982; trú tại: Đường T, Khu phố B, Phường B, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Thị Kim D, sinh năm 1968; trú tại: Khu phố B, thị trấn C, huyện

C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3.2. Bà Phạm Lệ N1, sinh năm: 1960; cư trú tại: Đường T, Khu phố B, Phường B, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3.3. Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1973; trú tại: Thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Anh Nguyễn Lâm Q, sinh năm 1980; trú tại: Ấp R, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 02-4-2018) có mặt.

3.4. Bà Lê Thị T; trú tại: Đường T, khu phố A, Phường C, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3.5. Công ty tài chính TNHH MTV V; địa chỉ: Tầng 2, Tòa Nhà R, 9, B, Phường 12, Quận 4, Thành Phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

3.6. Công ty Tài chính TNHH H; địa chỉ: Đường L, Phường 6, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu N - Chức vụ: Tổng giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thiên T - Chức vụ: Giám đốc kiểm tra chất lượng; vắng mặt.

3.7 Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1960; bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1959; cùng trú tại: Ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16-10-2017 bản tự khai và các lời khai tại Tòa án của nguyên đơn anh Nguyễn Thanh N trình bày:

Tháng 02-2007 qua thời gian tìm hiểu anh và chị Lê Kim L được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, ngày 22-10-2007 đăng ký kết hôn tại UBND Phường A, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; sau khi kết hôn vợ chồng sống tại địa chỉ Đường T, Khu phố B, Phường B, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm thường xuyên gây gỗ cãi vãi nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa anh xin ly hôn với chị L.

- Về con chung: Có 01 cháu, tên Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 16-11-2008,

hiện đang sống với chị L, đồng ý giao con cho chị L nuôi.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng có nợ:

+ Nợ bà Lê Thị Kim D số tiền 500.000.000 đồng, sau đó anh đã mượn tiền của cha mẹ anh trả cho bà D theo biên nhận ngày 01-4-2017; đối với phần nợ này không yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Nợ bà Phạm Lệ N1 số tiền 48.000.000 đồng đã được Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết theo bản án số: 158/2015/DS-PT ngày 19-6-2015 đồng ý tiếp tục thi hành án cho bà N1 theo quyết định của bản án.

+ Nợ chị Nguyễn Thị Thu H số tiền 250.000.000 đồng, anh đã trả cho chị H số tiền 200.000.000 đồng theo biên nhận ngày 31-3-2017, vợ chồng thỏa thuận chị L có trách nhiệm trả cho chị H số tiền 50.000.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận khi vay mượn.

Ngoài ra, đối với các khoản nợ khác của chị L anh không biết, không đồng ý trả.

Bị đơn tại các bản tự khai ngày 09-11-2017, ngày 05, 18 tháng12-2017 và bản tường trình ngày 22-12-2017 chị Lê Kim L trình bày:

Năm 2007 chị kết hôn với anh Nguyễn Thanh N, quá trình chung sống chị lo buôn bán phụ giúp gia đình để anh N yên tâm công tác phục vụ trong Quân đội nhưng vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về kinh tế nên bất đồng quan điểm, anh N có hành vi bạo hành, ngược đãi, đánh đập chị dẫn đến Công an xử lý; nay anh N xin ly hôn chị đồng ý.

- Về con chung: Có 01 cháu, tên Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 16-11-2008, hiện đang sống với chị, chị yêu cầu được nuôi không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không có yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng có nợ các chủ nợ sau:

+ Bà Lê Thị T số tiền 123.000.000 đồng;

+ Chị Nguyễn Thị Thu H số tiền 150.000.000 đồng;

+ Chị Lê Kim H số tiền 350.000.000 đồng;

+ Chị Lê Kim L số tiền 150.000.000 đồng;

+ Công ty Tài chính TNHH H số tiền 57.000.000 đồng;

+ Công ty tài chính TNHH MTV V số tiền 52.000.000 đồng;

+ Ngân hàng O số tiền 40.000.000 đồng;

Yêu cầu vợ chồng cùng có trách nhiệm trả.

Riêng đối với số tiền nợ bà Lê Thị Kim D số tiền 500.000.000 đồng, đã trả hết xong và nợ bà Phạm Lệ N1 số tiền 48.000.000 đồng anh N đã trả hàng tháng cho bà N1 2.000.000 đồng, nay không còn nợ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Tại bản tự khai ngày 22-11-2017 và quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Lệ N1 trình bày:

Vào cuối năm 2014 vợ chồng chị L, anh N có nợ bà số tiền 150.000.000 đồng không trả nên bà khởi kiện, ngày 31-3-2015 Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh giải quyết buộc vợ chồng chị L, anh N trả số tiền nợ trên chị L không đồng ý kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, ngày 19-6-2015 Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử lại y án sơ thẩm; bản án có hiệu lực pháp luật vợ chồng anh N, chị L đã trả cho bà được số tiền 70.000.000 đồng còn lại số tiền 80.000.000 đồng xin trả góp mỗi tháng 2.000.000 đồng do anh N là người trực tiếp trả qua Chi cục thi hành án thành phố Tây Ninh bắt đầu trả từ tháng 10-2015 đến nay còn nợ lại số tiền 28.000.000 đồng; nay yêu cầu anh N tiếp tục trả.

2. Tại bản tự khai ngày 09-2-2018 của chị Nguyễn Thị Thu H cùng các lời khai tại Tòa án của người đại diện anh Nguyễn Lâm Q trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết làm ăn nhiều năm với nhau giữa chị H với vợ chồng anh N, chị L nên chị H có cho anh N, chị L mượn tiền nhiều lần, việc vay mượn có làm giấy khi anh N, chị L trả tiền thì chị H trả lại giấy; hiện anh N chị L còn nợ lại chị H số tiền 500.000.000 đồng theo giấy biên nhận (ngày 11-8-2016 chị H cho anh N, chị L mượn số tiền 250.000.000 đồng, đến ngày 18-8-2016 mượn thêm số tiền 250.000.000 đồng, tổng cộng số tiền là 500.000.000 đồng); giấy do anh N, chị L viết cùng ký tên và có giao cho chị H 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 054507 do bà Đỗ Thị H và ông Vũ Xuân

C đứng tên (đất do vợ chồng anh N, chị L mua của bà H, ông C chưa sang tên) để làm tin; đến khi vợ chồng anh N, chị L phát sinh mâu thuẫn thì vợ chồng anh N chị L và chị H có thỏa thuận miệng là chị L trả số tiền 350.000.000 đồng, anh N trả số tiền 150.000.000 đồng cho chị H. Đối với số tiền 350.000.000 đồng của chị L, chị H và chị L đã thỏa thuận với nhau, nay chị H yêu cầu anh N trả số tiền 150.000.000 đồng, sau khi vợ chồng anh N chị L trả hết số tiền nợ trên chị H có trách nhiệm giao trả lại 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 054507 do bà Đỗ Thị H và ông Vũ Xuân C đứng tên cho chị L.

3. Tại Công văn phúc đáp ngày 05-2-2018 và văn bản ngày 23-7-2018 của Công ty Tài chính TNHH H trình bày:

Ngày 28-02-2017 Công ty Tài chính TNHH H có ký hợp đồng tín dụng số: CR006148593 cho chị Lê Kim L vay số tiền 57.000.000 đồng, theo đó vào ngày 25 hàng tháng chị L phải thanh toán cho Công ty Tài chính TNHH H số 4.244.900 đồng liên tục trong 18 tháng bắt đầu từ ngày 25-3-2017 và kết thúc ngày 25-8-2018, tính đến ngày 18-7-2018 chị L thanh toán số tiền là 68.111.631 đồng, số tiền còn nợ tạm tính là 7.965.322 đồng bao gồm gốc, lãi và phí bảo hiểm; hiện chị L đã thực hiện nghĩa vụ đúng theo quy định và còn trong thời hạn thực hiện. Vì vậy Công ty Tài chính TNHH H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Tại đơn không yêu cầu giải quyết ngày 28-02-2018 của bà Lê Thị Kim D trình bày:

Căn cứ vào biên nhận tiền ngày 01-4-2017 số tiền 500.000.000 đồng giữa bà Lê Thị Kim D với anh Nguyễn Thanh N, ngày 26-9-2017 anh N đã mượn tiền của cha mẹ để trả cho bà có biên bản ký nhận đầy đủ nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, tư cách pháp lý và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự; người tham

gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử Công nhận anh Nguyễn Thanh N và chị Lê Kim L thuận tình ly hôn; con chung giao cho chị L nuôi, ghi nhận chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung không giải quyết, nợ chung anh N, chị L có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị Thu H số tiền 150.000.000 đồng, mỗi người trả 75.000.000 đồng; anh N tiếp tục thi hành số tiền 26.000.000 đồng cho bà Phạm Lệ N1 theo quyết định của bản án số: 158/2015/DS-PT ngày 19-6-2015; anh N phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và anh N, chị L phải chịu dân sự sơ thẩm theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Các đương sự vắng mặt Tòa án đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục để bảo đảm cho việc xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án: Ngày 22-10-2007 anh Nguyễn Thanh N và chị Lê Kim L kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường A, thị xã Tây Ninh (nay là thành phố Tây Ninh), tỉnh Tây Ninh là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ; quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm thường xuyên gây gỗ cãi vã nhau; nay anh N xin được ly hôn với chị L. Tại phiên tòa anh N khai do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể chung sống với nhau được nữa nên xin được ly hôn với chị L; chị L đồng ý. Do đó có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa anh N với chị L không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh N xin ly hôn, chị L đồng ý. Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử ghi nhận anh N và chị L thuận tình ly hôn.

[3] Về con chung: Có 01 cháu, tên Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 16-11-2008, hiện đang sống với chị L, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi không yêu cầu anh N cấp dưỡng, anh N đồng ý giao con cho chị L nuôi; tại biên bản lấy lời khai ngày 01-12-2017 cháu Nguyễn Hoàng K trình bày cháu có nguyện vọng được sống với mẹ. Đối chiếu Khoản 2 Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Xét thấy yêu cầu của chị L phù hợp với nguyện vọng của cháu K và anh N cũng đồng ý giao con cho chị L nuôi; Hội đồng xét xử chấp nhận; ghi nhận chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con; anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Tại phiên tòa anh N và chị L thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh N chị L thống nhất:

- Vợ chồng nợ chị Nguyễn Thị Thu H số tiền 150.000.000 đồng, anh N, chị L có trách nhiệm trả cho chị H mỗi người trả 75.000.000 đồng.

- Nợ bà Phạm Lệ N1 số tiền 26.000.000 đồng, theo bản án 158/2015/DS-PT ngày 19-6-2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh; anh N tiếp tục thi hành cho bà N1 số tiền trên.

- Nợ riêng:

+ Đối với số tiền nợ bà Lê Thị T 123.000.000 đồng, bà Lê Kim H350.000.000 đồng, Lê Kim L 150.000.000 đồng, Công ty TNHH tài chính H 57.000.000 đồng, công ty tài chính TNHH V 52.000.000 đồng, ngân hàng O 40.000.000 đồng là nợ riêng của chị Lê Kim L, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Đối với số tiền nợ bà Lê Thị Kim D số tiền 500.000.000 đồng, anh N đã trả hết cho bà D, nợ ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị X số tiền 500.000.000 đồng là nợ riêng của anh N, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Xét đối với số tiền nợ của bà Phạm Lệ N1, căn cứ vào Bản án số: 158/2015/DSPT ngày 19-6-2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh và Quyết định thi hành án số: 332/QĐCCTHA ngày 28-7-2015 của Chi cục Thi hánh án

dân sự thánh phố Tây Ninh và tại biên bản hòa giải ngày 24-7-2018 bà N1 xác định hiện chị L, anh N còn nợ bà số tiền 26.000.000 đồng theo bản án của Tòa án tỉnh Tây Ninh giải quyết đang được thi hành do anh N thi hành; nay yêu cầu anh N tiếp tục thi hành trả cho bà số tiền trên. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh N đồng ý. Do đó có cơ sở xác định số tiền nợ 26.000.000 đồng của bà N1 là nợ chung của anh N, chị L; anh N đồng ý tiếp tục thi hành trả cho bà N1 số tiền 26.000.000 đồng. Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Xét yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Thị Thu H đối với số tiền 150.000.000 đồng, căn cứ vào biên nhận ngày 01-8-2016 và ngày 18-8-2016 nội dung thể hiện anh N, chị L có mượn của chị H 500.000.000 đồng tiền góp, giấy do anh N, chị L có viết và ký tên, theo chị H khai khi vay chị L có giao cho chị 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 054507 do bà Đỗ Thị H và ông Vũ Xuân C đứng tên (đất do vợ chồng anh N, chị L mua của bà Hài, ông Chính chưa sang tên) để làm tin; đến khi anh N, chị L phát sinh mâu thuẫn thì vợ chồng anh N chị L và chị H có thỏa thuận miệng với nhau là chị L trả số tiền 350.000.000 đồng, anh N trả số tiền 150.000.000 đồng chị đồng ý. Đối với số tiền 350.000.000 đồng của chị L, chị H và chị L đã thỏa thuận với nhau, nay yêu cầu anh N trả số tiền 150.000.000 đồng; sau khi vợ chồng anh N, chị L trả hết số tiền nợ trên chị H có trách nhiệm giao trả lại 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 054507 do bà Đỗ Thị H và ông Vũ Xuân C đứng tên cho chị L, hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chị H đang giữ. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các bên anh Q là người đại diện cho chị H, anh N và chị L thống nhất là anh N, chị L có trách nhiện trả cho chị H số tiền 150.000.000 đồng, mỗi người trả 75.000.000 đồng tiền vốn, chị H không yêu cầu tính lãi, anh N đồng ý. Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Đối với số tiền nợ của bà Lê Kim H, bà Lê Kim L và Ngân hàng O chị L không cung cấp được chứng cứ và địa chỉ; còn đối với số tiền nợ của bà Lê Thị T, Công ty tài chính TNHH V và ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị X Tòa án đã thông báo nhưng không có ý kiến trình bày; riêng Công ty TNHH Tài chính H, bà Lê Thị Kim D có bản trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó

Hội đồng xét xử không giải quyết.

[8] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh trình bày ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 463 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016. Ghi nhận anh Nguyễn Thanh N và chị Lê Kim L thuận tình ly hôn; con chung giao cho chị L nuôi, ghi nhận chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung không có; nợ chung anh N tiếp tục thi hành trả cho bà N1 số tiền 26.000.000 đồng; anh N, chị L có trách nhiện trả cho chị H số tiền 150.000.000 đồng, mỗi người trả ½ (75.000.000 đồng); anh N, chị L phải chịu án phí theo luật định. Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; anh N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình và 3.750.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0004675 ngày 23-10-2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, anh N còn phải nộp 3.750.000 đồng; chị L phải chịu 3.750.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị H không phải chịu tiền án phí nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.750.000 đồng theo biên lai thu số: 0005046 ngày 12-02-2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 55; Điều 81; Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Công nhận anh Nguyễn Thanh N và chị Lê Kim L thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Có 01 cháu, tên Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 16-11-2008 giao cho chị L trực tiếp nuôi; ghi nhận chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con; anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh N, chị L có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị Thu H số tiền 150.000.000 đồng mỗi người trả 75.000.000 đồng vốn, ghi nhận chị H không yêu cầu tính lãi; anh N tiếp tục thi hành trả cho bà Phạm Lệ N1 số tiền 26.000.000 đồng, theo bản án 158/2015/DS-PT ngày 19-6-2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

5. Án phí: anh N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình và 3.750.000 đồng tiền án phí sơ thẩm dân sự; được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0004675 ngày 23-10-2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, anh N còn phải nộp 3.750.000 đồng; chị L phải chịu 3.750.000 đồng tiền án phí sơ thẩm dân sự.

Hoàn trả cho chị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.750.000 đồng theo biên lai thu số: 0005046 ngày 12-02-2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

6. Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh N, chị L chưa thi hành số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả cho chị H số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án Dân sự.

8. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án các bên được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại UBND xã (phường) nơi cư trú./.

Nơi nhận:
- PKTNV TA tỉnh;
- VKSND TPTN;
- THADS TPTN;
- UBND xã (phường) Nơi cư trú của đương sự;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Phan Tuyến